

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
(Đợt 1, năm 2024)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 26/TTr-SKHCN ngày 23/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục 09 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Đợt 1), bắt đầu thực hiện từ năm 2024 (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thông báo nội dung các nhiệm vụ nêu tại Điều 1 trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ; tổ chức xét duyệt hồ sơ và thẩm định nội dung, kinh phí từng nhiệm vụ để tham mưu trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt từng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Tiến

PHỤ LỤC:
DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH (Đợt 1, NĂM 2024)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của UBND tỉnh)

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|--|---|--|--|---|---------------------------------------|
| I. LĨNH VỰC KHOA HỌC TỰ NHIÊN (Về điều tra cơ bản): 01 NHIỆM VỤ | | | | | |
| 1 | Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu diễn biến bồi lắng cát trên hệ thống sông Thạch Hãn, tỉnh Quảng Trị; Dự báo trữ lượng cát bồi lắng hằng năm, tạo cơ sở khoa học cho công tác cấp phép khai thác các mỏ cát sỏi lòng sông được chính xác, giảm thất thoát lãng phí tài nguyên, tăng thu ngân sách. | Trường Đại học Khoa học, Đại Học Huế | Mục tiêu chung: - Ứng dụng các loại hình công nghệ nhằm xác định được diễn biến quá trình bồi lắng; Đánh giá dự báo được lượng cát tích tụ hằng năm trên các khu vực thuộc đoạn Trung - Hạ lưu của hệ thống sông Thạch Hãn; Tạo lập cơ sở khoa học nhằm đề xuất các giải pháp khả thi cho công tác cấp phép khai thác các mỏ cát sỏi lòng sông được chính xác, giảm thất thoát tài nguyên, bảo vệ môi trường”. Mục tiêu cụ thể: - Xác định đúng thực trạng tình hình bồi lắng cát sỏi lòng sông trên các đoạn sông chính thuộc hệ thống sông Thạch Hãn. - Đánh giá được xu thế diễn biến bồi lấp lòng và bờ sông Thạch Hãn bằng hệ thống các phương pháp | Nội dung thực hiện: Nội dung 1: Thu thập, tổng hợp, biên tập dữ liệu từ các công trình khoa học trong và ngoài nước về bồi lắng lòng sông, dữ liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội khu vực nghiên cứu thuộc hệ thống sông Thạch Hãn, về thực trạng quá trình bồi lắng, thực trạng khai thác cát lòng sông của các doanh nghiệp, gồm các nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1: Thu thập số liệu tại các đơn vị cơ sở: Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, các Phòng TN&MT các huyện thành phố ven sông Thạch Hãn, các đơn vị đang hoạt động khai thác cát lòng sông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Nhiệm vụ 2: Khảo sát thực trạng, phúc tra, kiểm tra, thu thập tài liệu, số liệu về các doanh nghiệp: về thực trạng hoạt động, thực tế khai thác và sử dụng cát sỏi các đoạn Trung – Hạ lưu thuộc hệ thống sông Thạch Hãn. Nội dung 2: Điều tra, khảo sát, xác định các | Đề tài KHCN; Tuyển chọn |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|--------------|--|--|---|---------------------------------------|
| | | | <p>đánh giá thực trạng, phân tích ảnh hưởng của việc thám sát kết hợp bay UAV.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng mô hình công nghệ nhằm đánh giá, dự báo được trữ lượng tài nguyên cát sỏi tích tụ hàng năm trên các đoạn Trung - Hạ lưu thuộc hệ thống sông Thạch Hãn. - Tạo lập cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp phục vụ hiệu quả công tác thăm dò, cấp phép khai thác các mỏ cát sỏi lòng sông nghiên cứu. | <p>yếu tố liên quan với địa động lực dòng sông khu vực nghiên cứu.</p> <p>Nhiệm vụ 1: Điều tra, khảo sát đặc điểm địa động lực dòng hệ thống sông Thạch Hãn.</p> <p>Nhiệm vụ 2: Khảo sát đặc điểm lòng sông khu vực nghiên cứu; Thiết lập các mặt cắt, đo lưu tốc dòng chảy, xác định mức độ bồi lắng trầm tích cát sỏi của dòng sông và lấy mẫu cho các phân tích tính chất cơ lý vật chất lơ lửng, chất bùn đáy...</p> <p>Nội dung 3: Đánh giá chất lượng và trữ lượng tài nguyên cát sỏi lòng sông trên các đoạn sông khu vực nghiên cứu, khoan định và xác định diện tích các mỏ cát sỏi lòng sông phân bố trên các đoạn sông thuộc hệ thống sông Thạch Hãn.</p> <p>Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu ứng dụng mô hình Mike 11ST đánh giá quy mô, mức độ bồi lắng hàng năm, phân vùng khu vực bồi lắng tập trung có triển vọng và lập sơ đồ phân vùng dự báo khu vực triển vọng cát sỏi trên các đoạn sông thuộc hệ thống sông Thạch Hãn.</p> <p>Nhiệm vụ 2: Đánh giá chất lượng và trữ lượng tài nguyên cát sỏi lòng sông trên các đoạn sông khu vực nghiên cứu.</p> <p>Nhiệm vụ 3: Khoan định và xác định diện tích các mỏ cát sỏi lòng sông phân bố trên các đoạn sông thuộc hệ thống sông Thạch Hãn.</p> | |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|--------------|--|---------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | <p>Nội dung 4: Xây dựng bản đồ (sơ đồ) dự báo các khu vực hoạt động bồi lấp và dự báo trữ lượng tài nguyên cát sỏi lòng sông; Xây dựng luận cứ khoa học làm cơ sở cho công tác thăm dò, cấp phép khai thác mỏ cát lòng sông.</p> <p>Nội dung 5: Các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu gồm các nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công bố các công trình khoa học trên các tạp chí; + Hội thảo khoa học tham vấn ý kiến các chuyên gia và người sử dụng; Tập huấn triển khai sử dụng sản phẩm đề tài đến các đơn vị, người sử dụng. <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài thể hiện đầy đủ các nội dung và kết quả nghiên cứu đạt được (dạng file và dạng văn bản), đảm bảo chất lượng chuyên môn, đúng quy trình, quy phạm. - 01 Bản đồ địa chất đệ tứ đoạn trung - hạ lưu hệ thống sông Thạch Hãn, tỷ lệ 1/50.000. - 01 sơ đồ phân bố các mỏ cát sỏi đang hoạt động và có khả năng thăm dò, khai thác trong tương lai trên hệ thống sông Thạch Hãn, tỷ lệ 1/25000 - 01 sơ đồ biến động lòng dẫn đoạn trung - hạ lưu hệ thống sông Thạch Hãn, tỷ lệ 1/25000 | |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|--|---|--|--|--|---------------------------------------|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Các sơ đồ dự báo trữ lượng tài nguyên cát sỏi hệ thống sông Thạch Hãn theo các kịch bản lũ, tỷ lệ 1/25000 - Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thực tế hoạt động khai thác cát sỏi trên các đoạn Trung - Hạ lưu thuộc hệ thống sông Thạch Hãn. - Các bài báo khoa học đăng ở các tạp chí chuyên ngành hoặc tạp chí khoa học địa phương... - Tham gia đào tạo 01 Học viên cao học chuyên ngành . | |
| II. LĨNH VỰC KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP (01 NHIỆM VỤ) | | | | | |
| 1 | <p>Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá chạch bùn (Misgurnus anguillicaudatus Cantor, 1842) sạch và an toàn thực phẩm tại tỉnh Quảng Trị</p> | Sở NN&PTNT | <ul style="list-style-type: none"> - Làm chủ công nghệ và quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá Chạch bùn phù hợp với điều kiện của địa phương. - Làm chủ công nghệ và quy trình kỹ thuật nuôi cá Chạch bùn thương phẩm phù hợp với điều kiện của địa phương. - Tạo con giống mới có chất lượng phục vụ cho phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt của tỉnh. | <p>Nội dung thực hiện: Nội dung 1: Điều tra nguồn lợi và nghiên cứu một số đặc điểm sinh thái và sinh học sinh sản cá chạch Bùn tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Nội dung 2: Nghiên cứu và xây dựng quy trình sản xuất giống nhân tạo cá Chạch bùn an toàn sạch bệnh. Nội dung 3: Nghiên cứu và xây dựng quy trình nuôi thương phẩm cá Chạch bùn đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm trong ao. Nội dung 4: Đào tạo tập huấn. Kết quả dự kiến: - Quy trình sản xuất giống nhân tạo cá Chạch</p> | Đề tài KHCN; Tuyển chọn |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|--|--|--|---|---|---------------------------------------|
| | | | | bùn an toàn, sạch bệnh phù hợp điều kiện của địa phương. - Quy trình nuôi thương phẩm cá Chạch bùn trong ao tại Quảng Trị. | |
| III. LĨNH VỰC KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ: 04 NHIỆM VỤ | | | | | |
| 1 | Tên nhiệm vụ: Phân lập, tuyển chọn chủng VSV thuộc chi Rhodobacter sp. Bản địa (vi khuẩn tía quang hợp) có khả năng xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi thủy sản. | Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và ĐMST tỉnh. | Mục tiêu chung: - Khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên vi sinh vật bản địa (vi khuẩn thuộc chi Rhodobacter sp.) để sản xuất chế phẩm vi sinh vật ứng dụng trong nuôi tôm hiệu quả và bền vững ở tỉnh Quảng Trị. Mục tiêu cụ thể: - Phân lập và tuyển chọn tối thiểu 02 chủng vi khuẩn thuộc chi Rhodobacter sp. bản địa (vi khuẩn tía quang hợp) có khả năng xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi thủy sản. - Hoàn thiện Quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh (dạng lỏng) xử lý sulfide trong ao nuôi tôm từ vi khuẩn tía quang hợp. - Sản xuất thử nghiệm 1.000 lít chế | Nội dung thực hiện: Nội dung 1: Phân lập, tuyển chọn ít nhất 02 chủng vi khuẩn thuộc chi Rhodobacter sp. Bản địa (vi khuẩn tía quang hợp) có khả năng xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi thủy sản. + Phân lập các chủng thuộc chi Rhodobacter sp. Từ mẫu bùn và nước ao nuôi tôm tại các huyện Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh và thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. + Tuyển chọn và định danh ít nhất 02 chủng Rhodobacter sp. Có khả năng xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi thủy sản. Nội dung 2: Xây dựng quy trình nhân giống các chủng VSV được tuyển chọn. + Khảo sát các điều kiện nhân giống, lên men các chủng Rhodobacter sp. được tuyển chọn. + Đánh giá, lựa chọn điều kiện nhân giống, các chủng Rhodobacter sp. Được tuyển chọn để | Đề tài KHCN; Tuyển chọn |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|--------------|--|---|---|---------------------------------------|
| | | | <p>phẩm vi sinh vật từ vi khuẩn thuộc chi Rhodobacter sp. Bản địa (dạng lỏng) có khả năng xử lý sulfide trong ao nuôi tôm.</p> <p>- Ứng dụng chế phẩm vi sinh xử lý sulfide trong ao nuôi tôm trên địa bàn.</p> | <p>nhân sinh khối.</p> <p>Nội dung 3: Xây dựng quy trình nhân sinh khối trong môi trường lỏng sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi thủy sản.</p> <p>+ Xây dựng quy trình nhân sinh khối trong môi trường lỏng các chủng Rhodobacter sp. được tuyển chọn.</p> <p>+ Kiểm tra mật độ tế bào vi khuẩn và thời hạn sử dụng của chế phẩm vi sinh vật xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi thủy sản.</p> <p>Nội dung 4: Tổ chức sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi thủy sản.</p> <p>+ Sản xuất 1000 lít chế phẩm vi sinh xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi thủy sản, mật độ VSV $\geq 10^8$CFU/ml.</p> <p>Nội dung 5: Thử nghiệm hiệu quả chế phẩm vi sinh xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi thủy sản.</p> <p>+ Thử nghiệm liều lượng, hiệu quả sử dụng chế phẩm vi sinh xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi tôm tại 02-03 mô hình trên địa bàn.</p> <p>+ Tập hợp số liệu viết báo cáo kết quả mô hình thử nghiệm</p> <p>Kết quả dự kiến:</p> <p>+ Tuyển chọn được 02 chủng Rhodobacter sp.</p> | |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|--|--|--|--|---------------------------------------|
| | | | | <p>Có khả năng xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi thủy sản.</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi thủy sản.</p> <p>+ Sản xuất chế phẩm vi sinh từ <i>Rhodobacter</i> sp. Xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi thủy sản: 1.000 lít, mật độ VST trên 10^8CFU/ml.</p> <p>+ Mô hình ứng dụng chế phẩm vi sinh xử lý sulfide, các hợp chất hữu cơ trong ao nuôi tôm trên địa bàn.</p> | |
| 2 | <p>Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ khai thác và chế biến dầu trầu (<i>Vernicia montana</i> Lour., 1970) phục vụ chế biến và xuất khẩu tại Quảng Trị.</p> | <p>Viện Nghiên cứu và Phát triển vùng</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được hiện trạng khai thác và chế biến Trầu hiện nay trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng được quy trình công nghệ ép dầu trầu có hiệu suất và chất lượng cao. - Nghiên cứu công nghệ sản xuất than sinh học từ phụ phẩm bã dầu Trầu sau khi ép. - Xây dựng được mô hình chế biến dầu trầu (quy mô: 7-8 tấn hạt/ngày). | <p>Nội dung thực hiện:</p> <p>Nội dung 1: Đánh giá hiện trạng khai thác và chế biến dầu Trầu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát thực trạng khai thác và chế biến dầu Trầu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. - Khảo sát vùng nguyên liệu trồng Trầu trên địa bàn tỉnh. <p>Nội dung 2: Nghiên cứu phương pháp sơ chế hạt trầu trước khi ép.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu xử lý hạt trầu trước khi ép. - Nghiên cứu ảnh hưởng của công nghệ enzyme (cellulose, protease) và công nghệ siêu âm đến hiệu suất trích ly dầu. <p>Nội dung 3: Nghiên cứu lựa chọn các thông số kỹ thuật chế biến dầu trầu bằng phương pháp ép trực vít.</p> | <p>Đề tài KHCN; Tuyển chọn</p> |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|--------------|--|---------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá độ ẩm nguyên liệu hạt trấu trước khi ép. - Khảo sát tốc độ vòng quay trục ép đến chất lượng dầu trấu thu được. - Khảo sát nhiệt độ buồng ép đến chất lượng dầu trấu thu được. - Nghiên cứu ảnh hưởng của tỉ lệ chất độn lên hiệu suất và chất lượng dầu trấu. - Nghiên cứu phương pháp lọc dầu để thu sản phẩm dầu tinh. - Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở dầu trấu. <p>Nội dung 4: Nghiên cứu công nghệ sản xuất than sinh học từ phụ phẩm bã dầu Trấu sau khi ép</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá nhiệt độ nhiệt phân thích hợp để sản xuất than sinh học. - Đánh giá thời gian lưu thích hợp để sản xuất than sinh học. - Đánh giá hiệu suất thu hồi than sinh học. - Đánh giá tính chất vật liệu than và xác định các tính chất đặc trưng của vật liệu. - Nghiên cứu tạo viên nén than sinh học. <p>Nội dung 5: Xây dựng mô hình chế biến dầu Trấu tại địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình nhà chế biến dầu trấu tại địa phương quy mô 7-8 tấn hạt/ngày. <p>Nội dung 6: Đánh giá hiệu quả kinh tế và đào tạo, tập huấn kỹ thuật chế biến dầu Trấu tại địa</p> | |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|--------------|--|---------------------|--|---------------------------------------|
| | | | | <p>phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội nhà chế biến dầu Trầu tại địa phương quy mô 7 – 8 tấn hạt/ngày. - Đào tạo, tập huấn kỹ thuật dầu Trầu tại địa phương cho Hợp tác xã/Doanh nghiệp về lĩnh vực chế biến dầu. <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 quy trình công nghệ ép dầu trầu quy mô 7 – 8 tấn hạt/ngày. - 01 quy trình sản xuất than hoạt tính sinh học từ bã trầu sau khi ép. - 01 mô hình chế biến dầu trầu (quy mô: 7 – 8 tấn hạt/ngày). - 300 lít dầu trầu nguyên chất. - 50 kg than sinh học từ bã trầu sau khi ép. - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước. - Báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng kết đề tài. | |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|---|--|---|---|---------------------------------------|
| 3 | Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất cà phê hoà tan Arabica giữ nguyên hương vị cà phê Khe Sanh. | Sở NN&PTNT | <p>Mục tiêu chung: Xây dựng và làm chủ được quy trình công nghệ sản xuất cà phê hoà tan từ nguyên liệu cà phê vùng Hướng Hoá – Quảng Trị và đảm bảo các yêu cầu thương mại được sản phẩm trên thị trường.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất cà phê hoà tan gồm các công đoạn: Lựa chọn nguyên liệu, Sơ chế nguyên liệu, rang, xay, trích ly, cô đặc, sấy. - Hồi hương và phối trộn cho ra các sản phẩm: cà phê nguyên chất, cà phê hoà tan 2 in 1, cà phê hoà tan 3 in 1. - Đóng gói, bao bì nhãn mác, thành phẩm sản phẩm cà phê hoà tan..... - Đánh giá chất lượng sản phẩm - Xây dựng nhãn hiệu, đăng ký tiêu chuẩn ATTP, công bố chất lượng sản phẩm hàng hoá | <p>Nội dung thực hiện và kết quả dự kiến:</p> <p>Nội dung 1: Xây dựng và hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất cà phê hoà tan gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lựa chọn nguyên liệu: lựa chọn nguyên liệu là cà phê nhân, bột sữa, đường... + Sơ chế nguyên liệu: làm sạch tạp chất lẫn trong cà phê theo 3 bước: phân loại theo kích thước, phân loại theo tỉ trọng, phân loại theo từ tính (tách kim loại) + Rang: Nghiên cứu, lựa chọn quy trình rang cà phê phù hợp dựa trên việc nghiên cứu, lựa chọn các thông số: nhiệt độ, thời gian... + Xay: Nghiên cứu, lựa chọn quy trình xay phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho quá trình trích ly (trích ly nhanh, không bị tắc đường ống): Xay thô, cán vỡ hạt, để nguyên hạt. + Trích ly: Nghiên cứu lựa chọn quy trình trích ly phù hợp dựa trên việc nghiên cứu lựa chọn các thông số: Hàm lượng nước dùng để trích ly, nhiệt độ trích ly, thời gian trích ly. + Cô đặc: Nghiên cứu lựa chọn quy trình cô đặc phù hợp dựa trên việc nghiên cứu lựa chọn các thông số: nhiệt độ, thời gian + Sấy: Nghiên cứu lựa chọn quy trình sấy phù hợp dựa trên việc nghiên cứu lựa chọn phương pháp sấy và các thông số: nhiệt độ sấy, thời gian sấy... | Dự án KHCN; Tuyển chọn |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|---------------|--|---------------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | <p>+ Hồi hương và phối trộn cho ra các sản phẩm: nghiên cứu lựa chọn quy trình hồi hương và phối trộn để tạo ra các sản phẩm: cà phê hoà tan nguyên chất, cà phê hoà tan 2 in 1, cà phê hoà tan 3 in 1.</p> <p>Nội dung 2: Phân tích đánh giá chất lượng sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đầy đủ các thành phần theo quy định. - Phân tích các chỉ số an toàn thực phẩm theo quy định <p>Nội dung 3: Xây dựng nhãn hiệu, đăng ký tiêu chuẩn ATTP, công bố chất lượng sản phẩm hàng hoá: đầy đủ theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP cho cơ sở sản xuất các sản phẩm cà phê hoà tan - Xây dựng logo, đăng ký bảo hộ tên sản phẩm - Đăng ký mã vạch (chung và từng loại sản phẩm) - Công bố chất lượng sản phẩm hàng hoá <p>Nội dung 4: Thiết kế nhãn mác, bao bì, đóng gói sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế nhãn hiệu cho sản phẩm - In ấn bao bì, hộp và túi đựng sản phẩm - Đóng gói và bảo quản sản phẩm. | |
| 4 | Tên nhiệm vụ: | UBND tỉnh | Đánh giá toàn diện tiềm năng và | Nội dung thực hiện: | Đề tài |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|--|---|---|--|---------------------------------------|
| | Đánh giá khả năng phát triển công nghệ sản xuất, lưu trữ, phân phối và sử dụng hydrogen từ năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. | đề xuất đặt hàng theo Công văn số 2020/UBND-KGVX ngày 03/5/2024 | khả năng phát triển chuỗi giá trị hydrogen xanh từ các nguồn năng lượng tái tạo (gió trên bờ, gió ngoài khơi, mặt trời, sinh khối, thủy triều,...) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Đồng thời, nghiên cứu và đánh giá các công nghệ tiên tiến trên thế giới về sản xuất, lưu trữ, phân phối và sử dụng hydrogen xanh. Từ đó, xây dựng lộ trình phát triển công nghệ sản xuất, lưu trữ, phân phối và sử dụng hydrogen cho tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, góp phần định hướng kinh tế xanh, bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, phù hợp với Chiến lược phát triển năng lượng hydrogen quốc gia và mục tiêu chung của cả nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tiềm năng và khả năng phát triển năng lượng tái tạo: + Xác định tiềm năng và phân bố nguồn năng lượng tái tạo (gió trên bờ, gió ngoài khơi, mặt trời, sinh khối, thủy triều,...) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; + Đánh giá tính khả thi về mặt kỹ thuật và kinh tế của việc khai thác các nguồn năng lượng tái tạo này để sản xuất hydrogen xanh. - Đánh giá công nghệ sản xuất hydrogen: + Nghiên cứu, đánh giá các công nghệ sản xuất hydrogen xanh từ năng lượng tái tạo trên thế giới phù hợp với điều kiện của Quảng Trị (điện phân nước ngọt/nước biển, nhiệt phân nước ngọt/nước biển,...). + Xác định quy mô sản xuất hydrogen phù hợp với tiềm năng và khả năng phát triển năng lượng tái tạo và nhu cầu sử dụng trong tỉnh, trong nước và trên thế giới. - Đánh giá công nghệ lưu trữ và phân phối hydrogen: + Nghiên cứu, đánh giá các công nghệ lưu trữ hydrogen trên thế giới (lỏng, dung môi, chất rắn...) phù hợp với quy mô sản xuất và điều kiện địa lý của Quảng Trị; + Đánh giá các phương án vận chuyển và phân phối hydrogen (đường ống, xe chuyên dụng,...) đến các điểm sử dụng. | KHCN; Tuyển chọn |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|--------------|--|---------------------|--|---------------------------------------|
| | | | | <p>– Đánh giá khả năng sử dụng hydrogen:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xác định các lĩnh vực tiềm năng sử dụng hydrogen tại Quảng Trị (giao thông vận tải, công nghiệp, sản xuất điện,...); + Đánh giá tính khả thi về mặt kỹ thuật và kinh tế của việc ứng dụng hydrogen trong các lĩnh vực này. <p>– Đề xuất giải pháp và lộ trình phát triển:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng lộ trình phát triển công nghệ hydrogen từ năng lượng tái tạo cho Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; + Đề xuất các giải pháp về cơ chế chính sách, thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực,... nhằm thúc đẩy phát triển công nghệ sản xuất, lưu trữ, phân phối và sử dụng hydrogen tại tỉnh Quảng Trị. <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá tiềm năng và khả năng phát triển công nghệ sản xuất, lưu trữ, phân phối và sử dụng hydrogen từ năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. - Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành lộ trình và giải pháp cụ thể để phát triển ngành công nghiệp hydrogen tại Quảng Trị, góp phần thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng hydrogen Việt Nam và mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh. | |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|--|--|--|---|--|---------------------------------------|
| IV. LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN: 02 NHIỆM VỤ | | | | | |
| 1 | Tên nhiệm vụ: Thiên lịch sử truyền khẩu chưa được khám phá về Phụ nữ Quảng Trị trong chiến tranh chống Mỹ. | Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện 200 cuộc phỏng vấn chuyên sâu với hình thức quay phim, ghi âm chất lượng cao với các nhân chứng là người phụ nữ Quảng Trị trong chiến tranh chống Mỹ. - Xuất bản 2 tập sách về <i>Người phụ nữ Quảng Trị trong chiến tranh</i>, xây dựng bộ tài liệu giảng dạy chương trình địa phương về truyền thống của người phụ nữ Quảng Trị nhằm tuyên truyền, giáo dục tinh yêu, lòng tự hào về phụ nữ Quảng Trị và quê hương, đất nước. - Xây dựng bộ sử liệu độc đáo, đa dạng về phụ nữ Quảng Trị trong chiến tranh chống Mỹ để bổ sung vào nguồn tư liệu của tỉnh, quốc gia, quốc tế trong lịch sử nghiên cứu chiến tranh Việt Nam nói chung và mảnh đất con người Quảng Trị nói riêng. | <p>Nội dung thực hiện:</p> <p>Nội dung 1: Thống kê và rà soát danh sách các phụ nữ người Quảng Trị tham gia kháng chiến chống Mỹ hiện đang còn sống</p> <p>Nội dung 2: Khảo sát, phỏng vấn trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kịch bản phỏng vấn ghi hình, ghi âm trực tiếp các nhân chứng sống (phụ nữ) trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước hoặc phiếu phỏng vấn, điều tra bổ sung nhật ký, hồi ký, tranh ảnh... - Tổ chức điều tra, khảo sát thực tế <p>Nội dung 3: Hoàn thiện phim, tổng hợp thông tin, tư liệu điều tra, khảo sát phỏng vấn sâu trực tiếp các nhân chứng sống.</p> <p>Nội dung 4: Biên soạn cuốn sách (2 tập)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ những hình ảnh, phim tư liệu đã phỏng vấn, chọn 20 cuộc phỏng vấn tiêu biểu, chủ đạo cho cuốn sách tập 1 - Biên tập, xuất bản Sách tập 1, công bố 15- 20 cuộc phỏng vấn tiêu biểu về <i>Người phụ nữ Quảng Trị trong chiến tranh</i>. <p>(Dự kiến phát hành vào 30/4/2025)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên tập, xuất bản Sách tập 2, Nghiên cứu | Đề tài KHCN; Tuyển chọn |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|--|---|---|---|---------------------------------------|
| | | | | <p>về <i>Người phụ nữ Quảng Trị trong chiến tranh</i>. (Dự kiến phát hành vào 27/7/2026)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bộ tài liệu dạy học văn hoá lịch sử địa phương và lưu trữ. <p>Nội dung 5: Tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia công bố những kết quả đầu tiên của đề tài. Dự kiến tổ chức vào tháng 4 năm 2025 và năm 2026 (Có in kỷ yếu hội thảo)</p> <p>Nội dung 6: Phối hợp với Đài truyền hình Quảng Trị làm phim, phóng sự về dự án <i>Phụ nữ Quảng Trị trong chiến tranh chống Mỹ</i>.</p> <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất bản Sách tập 1, công bố 15- 20 cuộc phỏng vấn tiêu biểu về <i>Người phụ nữ Quảng Trị trong chiến tranh</i>. (Dự kiến phát hành vào 30/4/2025) - Xuất bản Sách tập 2, Nghiên cứu về <i>Người phụ nữ Quảng Trị trong chiến tranh</i>. (Dự kiến phát hành vào 27/7/2026) - Xây dựng tài liệu dạy học văn hoá, lịch sử địa phương Quảng Trị. | |
| 2 | Tên nhiệm vụ: Điều tra, đánh giá sản lượng và khả năng sản xuất – kinh doanh cà phê tại địa bàn tỉnh Quảng Trị phục vụ | UBND tỉnh đề xuất đặt hàng theo Công văn số 2020/UBND-KGVX ngày 03/5/2024 | Mục tiêu chung: Điều tra đánh giá đúng thực trạng tình hình sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ về cây cà phê và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tham mưu Lãnh đạo tỉnh hoạch định các chủ trương, chính sách, quy hoạch vùng sản | Nội dung thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung 1: Điều tra, khảo sát thực tế đánh giá thực trạng về tình hình quy hoạch, phát triển sản xuất cây cà phê trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. + Đánh giá thực trạng tình hình sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh. | Đề tài KHCN; Tuyển chọn |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|----------------------------------|--|--|--|---------------------------------------|
| | thu hút dự án đầu tư phát triển. | | <p>xuất thâm canh phục vụ thu hút các dự án đầu tư phát triển cây cà phê giai đoạn 2025-2035.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các đợt điều tra, khảo sát thực tế tại các xã trồng cà phê trên địa bàn tỉnh để đánh giá thực trạng tình hình sản xuất cây cà phê trên địa bàn tỉnh. - Điều tra, khảo sát thực tế đánh giá thực trạng về tình hình chế biến - kinh doanh - dịch vụ các sản phẩm từ cây cà phê trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. - Đề xuất các giải pháp làm cơ sở cho công tác quy hoạch phát triển các vùng sản xuất thâm canh cây cà phê chất lượng cao, nhằm phục vụ thu hút các dự án đầu tư phát triển giai đoạn 2025-2035. | <ul style="list-style-type: none"> + Diện tích tái canh, trồng mới, sản xuất thâm canh theo hướng hữu cơ, tự nhiên tạo sản phẩm nguyên liệu sạch. + Các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến được áp dụng khác (hệ thống tưới, phân bón, chế phẩm sinh học,...). + Năng suất, sản lượng, chất lượng cà phê. - Nội dung 2: Điều tra, khảo sát thực tế đánh giá thực trạng về tình hình chế biến - kinh doanh - dịch vụ các sản phẩm từ cây cà phê trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. + Đánh giá đúng thực trạng tình hình thu mua - chế biến, chất lượng các sản phẩm hàng hóa từ cà phê trên địa bàn tỉnh: Số doanh nghiệp SXKD, CSSX chế biến cà phê; đánh giá về hiệu quả SXKDDV nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm từ cây cà phê; Số chủng loại sản phẩm hàng hóa tạo ra từ chế biến cà phê và tình hình cung ứng dịch vụ thương mại hóa sản phẩm; Việc xây dựng mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, đăng ký chứng nhận thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa cà phê trên địa bàn tỉnh. - Nội dung 3: Xây dựng Luận cứ khoa học làm cơ sở phục vụ công tác quy hoạch phát triển các vùng sản xuất thâm canh cây cà phê chất lượng cao, nhằm kêu gọi thu hút các dự án đầu tư phát triển. | |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|--|--|--|--|--|---------------------------------------|
| | | | | <p>Nội dung 4:Hội thảo khoa học tham vấn ý kiến các chuyên gia và người sản xuất -kinh doanh- dịch vụ cà phê.</p> <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo các chuyên đề nguyên cứu đánh giá thực trạng về tình hình sản xuất – thu mua – chế biến, kinh doanh- dịch vụ các sản phẩm cà phê trên địa bàn tỉnh. - Thuyết minh luận cứ khoa học làm cơ sở phục vụ công tác quy hoạch phát triển các vùng sản xuất thâm canh cây cà phê chất lượng cao, nhằm kêu gọi thu hút các dự án đầu tư phát triển giai đoạn 2025-2035. - Bản đồ, sơ đồ quy hoạch vùng sản xuất thâm canh cà phê trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2035. - Kết quả hội thảo khoa học lấy ý kiến chuyên gia. - Bài báo khoa học đăng ở các tạp chí chuyên ngành hoặc tạp chí khoa học địa phương... | |
| V. LĨNH VỰC Y DƯỢC: 01 NHIỆM VỤ | | | | | |
| 1 | Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu ứng dụng phương pháp xạ trị điều biến liều | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đặc điểm bệnh lý đối với người bệnh ung thư vùng đầu mặt cổ được chỉ định xạ trị triệt căn bằng kỹ thuật cao xạ điều biến liều | <p>Nội dung thực hiện:</p> <p>Đề có được kết quả nghiên cứu chính xác, khi người bệnh ung thư vùng đầu mặt cổ được chỉ định xạ trị triệt căn bằng kỹ thuật cao xạ điều biến liều (IMRT), các bác sĩ, kỹ sư và kỹ thuật</p> | Đề tài KHCN; Xét giao trực tiếp |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|--|--|---|--|---------------------------------------|
| | (IMRT) trong điều trị triệt căn ung thư vùng đầu mặt cổ tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị. Thời gian dự kiến: 24 tháng | | (IMRT). Đánh giá kết quả điều trị và các yếu tố liên quan của kỹ thuật cao xạ điều biến liều (IMRT). | <p>viên phải luôn đảm bảo tận tâm thực hiện công việc của mình một cách chuẩn xác trong mọi giai đoạn xạ trị điều biến liều:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống CT mô phỏng và hệ thống máy gia tốc xạ trị phải luôn được kiểm tra đảm bảo chất lượng (QA) một cách tỉ mỉ, cẩn thận. - Tiên hành đặt bệnh chụp CT mô phỏng phải chính xác và điền đầy đủ thông tin vào phiếu mô phỏng để thuận tiện đặt bệnh khi xạ. - Vệ chính xác thể tích bướu và các cơ quan lành. - Lập kế hoạch xạ trị sử dụng kỹ thuật IMRT để tính liều xạ trị cho người bệnh, sao cho đáp ứng đủ liều vào bướu và liều với các cơ quan lành thấp nhất có thể và trong ngưỡng cho phép. - Thực hiện QA kế hoạch trước lần xạ đầu tiên cho người bệnh. - Bên phòng máy gia tốc, đặt người bệnh đúng theo vị trí trên phiếu mô phỏng. - Chụp Conebeam CT trước tất cả các buổi xạ nhằm đảm bảo đặt người bệnh chính xác. - Tiến hành xạ trị cho người bệnh đúng phân liều hàng ngày theo kế hoạch đã được lập. <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ số liệu thống kê đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đặc điểm bệnh lý đối với tập mẫu nghiên cứu là những người bệnh ung | |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị, cá nhân đề xuất/đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ | Mục tiêu nghiên cứu | Nội dung nghiên cứu/ Kết quả dự kiến | Hình thức và phương thức thực hiện NV |
|----|--------------|--|---------------------|--|---------------------------------------|
| | | | | <p>thư vùng đầu mặt cổ được chỉ định xạ trị triệt căn bằng kỹ thuật cao xạ Điều biến liều (IMRT). 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá lại kết quả sau xạ định kỳ bằng các kỹ thuật chụp CT Scanner, chụp MRI. - Kết quả nghiên cứu cần thể hiện rõ đánh giá giai đoạn cùng đáp ứng của người bệnh sau xạ. Phân tích và đưa ra nguyên nhân nếu có sự khác biệt rõ ràng trong đáp ứng của các người bệnh sau xạ. | |

Danh mục này gồm **09 nhiệm vụ** khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện năm 2024./.